

Số: 151/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 7 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 129, 131, 500 khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 441/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026, về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Do bị đơn ông **Nguyễn Văn C** là người khuyết tật do **UBND xã M** (nay là **xã M**) cấp ngày 03/01/2023 có đơn xin miễn nộp tiền án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn cho ông **C** 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: **ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp** (nay là **ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp**).

- Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1987.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé H1**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: **ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp**.

Đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Bé H1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp**.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2026)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông **Dương Văn H** với bị đơn ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Bé H1** thỏa thuận cụ thể như sau:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn H với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Bé H1 theo giấy tay lập ngày 11/10/2024 đối với phần đất diện tích 2.000m² trong thửa số 560, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.934,1m² loại đất trồng lúa nước, do UBND huyện C cấp ngày 13/5/2013 và thửa số 296, tờ bản đồ số 21, diện tích 432,0m² do UBND huyện C cấp ngày 13/5/2013 cùng tọa lạc tại ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vô hiệu.

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Bé H1 đồng ý trả lại cho ông Dương Văn H số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), trả 01 lần vào ngày 10/8/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn cho ông Nguyễn Văn C 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé H1 tự nguyện chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Dương Văn H số tiền 12.120.500 đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008332 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Khỏe

